TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2538/2022/KDTM-ST
Ngày: 28/12/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1018/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 566/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 373/2022/QĐST-KDTM ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ:Phường H, thị xã C, tỉnh D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A

Địa chỉ: Phường P, thành phố M, tỉnh D

Bị đơn: Công ty S

Địa chỉ: Đường C, Phường Q, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông R

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty T có người đại diện hợp pháp trình bày: Nguyên đơn kinh doanh ngành nghề sản xuất sơn, vécni, các chất sơn, quét tương tự, matít và bị đơn là một khách hàng của nguyên đơn.

Giữa nguyên đơn và bị đơn đã mua bán hàng hóa từ tháng 10/2010. Đến ngày 02/01/2013, hai bên có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 330113/CK-HĐMB.

Trước mỗi đợt giao hàng thì bị đơn thông báo bằng điện thoại cho nguyên đơn về loại hàng, số lượng từng loại hàng, ngày giờ nhận hàng và nguyên đơn thông báo cho bị đơn giá của từng loại hàng.

Khi giao hàng thì nguyên đơn sẽ giao cùng với hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn và bị đơn sẽ nhận hàng cùng với hóa đơn giá trị gia tăng. Vào mỗi cuối tháng, nguyên đơn sẽ tổng kết công nợ và thông báo cho bị đơn qua điện thoại. Bị đơn đã nhận hàng và Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng thỏa thuận và không có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng.

Quá trình mua bán, bị đơn đã nhận số hàng hóa với tổn giá trị là 27.601.774.853 đồng. Theo thư xác nhận ngày 03/01/2019 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 4.648.941.649 đồng, sau đó, bị đơn đã thanh toán được thêm cho nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng cụ thể vào ngày 25/3/2019 thanh toán 200.000.000 đồng, ngày 08/8/2019 thanh toán 100.000.000 đồng và ngày 26/8/2019 thanh toán 100.000.000 đồng. Như vậy số tiền bị đơn còn chưa thanh toán là 4.248.941.649 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 4.248.941.649 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

Đối với tiền lãi chậm thi hành án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - Công ty S có người đại diện theo pháp luật là ông R trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 4.248.941.649 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán. Đối với tiền lãi chậm thanh toán trong giai đoạn thi hành án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng các quy định tại Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hợp đồng nguyên tắc số 330113/CK-HĐMB ngày 02/01/2013 đã ký kết giữa các bên, có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ văn bản số 3261/ĐKKD-T6 ngày 07/6/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì Công ty S có địa chỉ trụ sở chính tại Đường C, Phường Q, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - Công ty S có người đại diện theo pháp luật là Ông R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 4.248.941.649 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng nguyên tắc số 330113/CK-HĐMB ngày 02/01/2013 đã ký giữa nguyên đơn với bị đơn phù hợp với các quy định tại Điều 116, 117, 385, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 24, 179 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi năm 2017. Do đó, đây là hợp đồng có hiệu lực và các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 330113/CK-HĐMB ngày 02/01/2013, các phiếu xuất kho và các hóa đơn giá trị gia tăng, có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn đã bán sơn và dung môi các loại cho bị đơn với tổng giá trị là 27.601.774.853 đồng.

Căn cứ các sao kê tài khoản, giấy báo có và thư xác nhận ngày 03/01/2019, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 23.352.833.204 đồng và số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 4.248.941.649 đồng.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận; phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật". Việc bị đơn không thanh toán tiền hàng còn nợ cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận các bên đã ký kết tại Điều III Hợp đồng nguyên tắc số 330113/CK-HĐMB ngày 02/01/2013, do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền còn nợ là 4.248.941.649 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán của bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.248.942 đồng.

Hoàn cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí 56.124.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 385, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, 50, 306 Luật Thương mại 2005 được sửa đổi năm 2017;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty T.

Buộc Công ty S phải trả cho Công ty T số tiền 4.248.941.649 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty T cho đến khi thi hành án xong, Công ty S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.248.942 đồng.

Hoàn cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí 56.124.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0089972 ngày 28/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan Phương